

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 - 7 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thành Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hoàng Diệt.

Ông Lý Thanh Chiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Kim A, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn L, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn U, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh U vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại tòa trường trình đề ngày 05-7-2022, nguyên đơn chị Ngô Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim A và anh U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ngày 02-3-2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được. Chị Kim A nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị và anh U đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh U.

Về con chung: Thời gian chung sống Chị Kim A và anh U có con chung tên Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 21-10-2021. Cháu B hiện tại do Chị Kim A chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn Chị Kim A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Đối với bị đơn anh Trần Văn U:*

Anh U đã được cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh U không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

*- Tại Công văn số: 130/VHTT ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Mỹ Tú thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa Chị Kim A, anh U như sau:*

Anh U và Chị Kim A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó bỏ địa phương đi làm ăn xa, trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19 anh U, Chị Kim A không thường xuyên về địa phương nên không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh, chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Ngô Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Trần Văn U. Anh U cư trú tại Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35,

điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Triệu Thị Mộng Lý. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Kim A và anh U đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, Chị Kim A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh U vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim A, anh U tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 25 ngày 02-3-2021. Tại thời điểm kết hôn Chị Kim A, anh U đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị Kim A, anh U được pháp luật công nhận.

[5] Chị Kim A yêu cầu được ly hôn với anh U, Hội đồng xét xử xét thấy Chị Kim A và anh U là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thế nhưng, sau khi kết hôn anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh, chị tham gia phiên hòa giải nhưng anh U vắng mặt nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị Kim A, anh U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Kim A yêu cầu được ly hôn với anh U là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 2754, đăng ký ngày 08-11-2021 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thì Chị Kim A

và anh U có con chung tên Trần Ngọc Khánh B (giới tính: Nữ), sinh ngày 21-10-2021. Sau khi ly hôn, Chị Kim A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh U không có ý kiến đối với yêu cầu này của Kim Anh. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Con chung dưới 36 tháng tuổi và đang sống cùng với Chị Kim A. Chị Kim A có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Để đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung thì giao con chung cho Chị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp. Như vậy, yêu cầu về con chung của Chị Kim A là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định này, anh U có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với Chị Kim A. Đồng thời, anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định viện dẫn, anh U là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị Kim A không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Kim A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim A được ly hôn với anh Trần Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Khánh B (giới tính: Nữ), sinh ngày 21-10-2021 cho chị Ngô Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Trần Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Ngô Thị Kim A không yêu cầu anh Trần Văn U phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 0003583 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Ngô Thị Kim A đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- CCTHADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thành Đạt**